

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ  
ngành Tổ chức quản lý được theo định hướng nghiên cứu

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-ĐHLH.K3 ngày 15/12/2025 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Quyết định số 3696/QĐ-BGDĐT ngày 15/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định về việc cho phép Trường Đại học Lạc Hồng đào tạo ngành Tổ chức quản lý được trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 787/QĐ-ĐHLH ngày 28/12/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Lạc Hồng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Theo đề nghị của Trường khoa Sau đại học.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tổ chức quản lý được theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8720212) tại Trường Đại học Lạc Hồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, áp dụng đối với các khoá tuyển sinh năm 2026.

**Điều 3.** Trường Khoa Sau đại học, các đơn vị liên quan và học viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, K.SDH, (1190).

  
Lâm Thành Hiền

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm Quyết định số: 1980/QĐ-ĐHLH, ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)*

|                          |                               |
|--------------------------|-------------------------------|
| Ngành đào tạo:           | TÓ CHỨC QUẢN LÝ DƯỢC          |
| Tên tiếng Anh:           | PHARMACEUTICAL ADMINISTRATION |
| Mã ngành:                | 8720212                       |
| Trình độ đào tạo:        | THẠC SĨ                       |
| Đào tạo theo định hướng: | NGHIÊN CỨU                    |
| Khóa áp dụng:            | 2026                          |

Đồng Nai, năm 2025

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

Ngành đào tạo: **Tổ chức quản lý dược**  
Tên tiếng Anh: **Pharmaceutical administration**  
Mã ngành: **8720212**  
Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**  
Đào tạo theo định hướng: **Nghiên cứu**  
Khóa áp dụng: **2026**

*(Ban hành kèm Quyết định số: 1980/QĐ-ĐHLH, ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)*

### 1. Thời gian đào tạo: 2 năm

### 2. Đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo quy định của nhà trường.
- Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.
- Đủ sức khỏe để học tập theo quy định.
- Không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

### 3. Danh mục ngành phù hợp

| TT | Mã ngành | Tên ngành phù hợp | Ghi chú |
|----|----------|-------------------|---------|
| 1  | 7720201  | Dược học          |         |
| 2  | 7720203  | Hóa Dược          |         |

Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần (không thuộc danh mục ngành phù hợp) phải học bổ sung kiến thức 3 môn dựa theo bảng điểm đại học như sau:

| TT | Mã ngành | Tên ngành gần      | Ghi chú  |
|----|----------|--------------------|--|
| 1  | 7440112  | Hóa học            | Học bổ sung kiến thức 3 môn:<br>1. Pháp chế dược |
| 2  | 7420201  | Công nghệ sinh học |  |



| TT | Mã ngành | Tên ngành gần           | Ghi chú                                      |
|----|----------|-------------------------|--|
| 3  | 7720701  | Y tế công cộng          | 2. Quản lý cung ứng thuốc<br>3. Kinh tế dược |
| 4  | 7720801  | Tổ chức và Quản lý y tế |  |
| 5  | 7720802  | Quản lý bệnh viện       |  |

#### 4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

##### 4.1 Mục tiêu của chương trình đào tạo (Programme educational objectives - PEOs):

Người học tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Tổ chức quản lý dược từ 3 đến 5 năm sẽ có khả năng:

| Mục tiêu của chương trình (PEOs) | Nội dung   |
|----------------------------------|--|
| PEO1                             | Vận dụng được các văn bản pháp luật về dược và soạn thảo được một văn bản quy phạm cá biệt liên quan đến công tác tổ chức quản lý dược.  |
| PEO2                             | Lập được các hồ sơ, thủ tục, quy trình thao tác chuẩn trong thực hành dược và thiết lập được hồ sơ xin phép sản xuất thuốc, lập hồ sơ đấu thầu thuốc, chăm thầu.   |
| PEO3                             | Dự báo dược thị trường và xây dựng được kế hoạch kinh doanh cho sản phẩm dược phẩm; lập được kế hoạch quản lý dược, xử lý được các tình huống quản lý liên quan đến nhân sự, tài chính trong ngành và thực hiện ra quyết định dựa trên dự báo rủi ro trong ngành Dược. |
| PEO4                             | Có khả năng làm việc nhóm, phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm và có khả năng học tập suốt đời.   |

##### 4.2 Bảng tương quan tầm nhìn – sứ mạng với mục tiêu chương trình đào tạo

| Mục tiêu chương trình đào tạo (PEOs) | Sứ mạng   |                   |  | Tầm nhìn  |
|--------------------------------------|---|-------------------|--|---|
|                                      | Trường ĐH Lạc Hồng là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội | Phục vụ cộng đồng | Trường cung cấp nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài có năng lực và phẩm chất phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế. | Đến năm 2030, trở thành trường đại học định hướng ứng dụng hàng đầu tại Việt Nam. |
| PEO1                                 | X   |                   | X  |   |
| PEO2                                 | X   |                   | X  |   |

| Mục tiêu chương trình đào tạo (PEOs) | Sứ mạng   |                   |  | Tầm nhìn |
|--------------------------------------|---|-------------------|--|----------|
|                                      | Trường ĐH Lạc Hồng là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội | Phục vụ cộng đồng | Trường cung cấp nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài có năng lực và phẩm chất phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế. |          |
| PEO3                                 | X   | X                 | X  | X        |
| PEO4                                 |   |                   | X  | X        |

#### 4.3 Bảng tương quan mục tiêu chương trình đào tạo với khung trình độ Quốc gia

| Mục tiêu chương trình đào tạo (PEOs) | Khung trình độ Quốc gia Việt Nam |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |
|--------------------------------------|----------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
|                                      | 1.1                              | 1.2 | 1.3 | 2.1 | 2.2 | 2.3 | 2.4 | 2.5 | 3.1 | 3.2 | 3.3 | 3.4 |
| PEO1                                 | X                                |     |     |     | X   |     |     |     |     |     |     | X   |
| PEO2                                 | X                                |     |     | X   | X   |     |     |     |     |     | X   | X   |
| PEO3                                 |                                  | X   | X   | X   |     |     |     |     | X   |     | X   |     |
| PEO4                                 |                                  |     |     |     |     | X   | X   | X   |     | X   |     |     |

#### 4.4 Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program learning outcomes – PLOs)

| Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo |   | PEO1 | PEO2 | PEO3 | PEO4 |
|-----------------------------------|---|------|------|------|------|
| PLO1                              | Vận dụng tốt các văn bản quy phạm pháp luật và các hướng dẫn có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của ngành dược, thực hiện công tác quản lý nhà nước, xây dựng, triển khai thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản pháp quy về dược. | X    |      |      |      |
| PLO2                              | Thực hiện được chức trách của một nhà quản lý dược trong các cơ sở điều trị để thực hiện công tác dược lâm sàng, thông tin thuốc, cung ứng thuốc đáp ứng cho yêu cầu điều trị.  |      | X    |      |      |

| Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo |  | PEO1 | PEO2 | PEO3 | PEO4 |
|-----------------------------------|--|------|------|------|------|
| PLO3                              | Tổ chức quản lý hệ thống bán lẻ thuốc nhằm đảm bảo chất lượng thuốc đến tay người sử dụng. Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động của người hành nghề được trong việc thực hiện các quy chế chuyên môn, kỹ năng tư vấn hướng dẫn sử dụng thuốc.                                   | X    |      | X    |      |
| PLO4                              | Vận dụng được các nguyên tắc quản trị trong ngành Dược bao gồm quản trị nhân sự, tài chính, rủi ro và ra quyết định. Phân tích được những đặc trưng cơ bản trong marketing dược phẩm, dự báo được thị trường; vai trò và mối quan hệ giữa dược sĩ và người bệnh trong cộng đồng. |      |      | X    |      |
| PLO5                              | Lập được các hồ sơ, thủ tục, quy trình thao tác chuẩn trong thực hành dược, bao gồm: quy trình cung ứng thuốc, quy trình bảo quản thuốc, quy trình quản lý chất lượng thuốc, thông tin thuốc. Thiết lập được hồ sơ xin phép sản xuất thuốc, lập hồ sơ đấu thầu thuốc, chăm thầu. |      | X    |      |      |
| PLO6                              | Hiểu được giới hạn kiến thức và kinh nghiệm bản thân, không ngừng học hỏi những kiến thức và kỹ năng mới cần thiết để hoàn thiện và nâng cao năng lực.   |      |      |      | X    |

### 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 60 tín chỉ

Trong đó:

Học phần chung: 03 tín chỉ

Kiến thức cơ sở ngành: 15 tín chỉ

Kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ

Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ

| TT | Mã học phần                | Tên học phần | Số tín chỉ |           |  | Học kỳ |
|----|----------------------------|--------------|------------|-----------|--|--------|
|    |                            |              | Tổng       | Lý thuyết | Thực hành/<br>Thí nghiệm/<br>thảo luận |        |
| I  | Học phần chung (3 tín chỉ) |              |            |           |  |        |
| 1  | 900802                     | Triết học    | 3          | 3         | 0                                      | I      |



| TT         | Mã học phần  | Tên học phần  | Số tín chỉ |           |  | Học kỳ |
|------------|--|---|------------|-----------|--|--------|
|            |  |   | Tổng       | Lý thuyết | Thực hành/<br>Thí nghiệm/<br>thảo luận |        |
| <b>II</b>  | <b>Kiến thức cơ sở ngành (15 tín chỉ)</b>                |   |            |           |  |        |
| 2          | 948801   | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Dược xã hội học | 3          | 2         | 1                                      | I      |
| 3          | 948802   | Công nghệ thông tin ứng dụng trong ngành dược         | 2          | 1         | 1                                      | I      |
| 4          | 948803   | Đạo đức trong hành nghề dược – Dược xã hội học        | 3          | 3         | 0                                      | I      |
| 5          | 948804   | Quản lý chất lượng thuốc                              | 2          | 1         | 1                                      | I      |
| 6          | 948805   | Sinh dược học   | 3          | 2         | 1                                      | I      |
| 7          | 948806   | Nghiên cứu các sản phẩm thuốc từ dược liệu            | 2          | 1         | 1                                      | I      |
| <b>III</b> | <b>Kiến thức chuyên ngành (27 tín chỉ)</b>               |   |            |           |  |        |
|            | <i>Phần bắt buộc (12 tín chỉ)</i>                        |   |            |           |  |        |
| 8          | 948807   | Pháp chế dược nâng cao                                | 3          | 2         | 1                                      | I      |
| 9          | 948808   | Kinh tế y tế và Kinh tế dược chuyên ngành             | 3          | 2         | 1                                      | II     |
| 10         | 948809   | Logistic và quản lý chuỗi cung ứng trong ngành dược   | 3          | 2         | 1                                      | II     |
| 11         | 948810   | Kỹ năng giao tiếp và giáo dục hành vi sức khỏe        | 3          | 1         | 2                                      | III    |
|            | <i>Phần tự chọn I (6 tín chỉ)<br/>Chọn 3 trong 5 môn</i> |   |            |           |  |        |
| 12         | 948811   | Quản trị nghiệp vụ dược                               | 2          | 2         | 0                                      | II     |
| 13         | 948812   | Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng                        | 2          | 2         | 0                                      | II     |
| 14         | 948813   | Thông tin thuốc và cảnh giác dược                     | 2          | 1         | 1                                      | II     |
| 15         | 948814   | Sở hữu trí tuệ trong ngành dược                       | 2          | 2         | 0                                      | III    |
| 16         | 948815   | Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo                         | 2          | 2         | 0                                      | III    |

| TT        | Mã học phần                          | Tên học phần  | Số tín chỉ |           |  | Học kỳ |
|-----------|--------------------------------------|---|------------|-----------|--|--------|
|           |                                      |   | Tổng       | Lý thuyết | Thực hành/<br>Thí nghiệm/<br>thảo luận |        |
|           |                                      | <i>Phần tự chọn II (9 tín chỉ)</i><br><i>Chọn 3 trong 8 môn</i> |            |           |  |        |
| 17        | 948816                               | Quản trị kinh doanh dược  | 3          | 2         | 1                                      | II     |
| 18        | 948817                               | Marketing và thị trường dược phẩm                               | 3          | 2         | 1                                      | II     |
| 19        | 948818                               | Quản trị bán hàng   | 3          | 2         | 1                                      | II     |
| 20        | 948819                               | Hồ sơ đăng ký thuốc   | 3          | 2         | 1                                      | II     |
| 21        | 948820                               | Quản trị công tác dược bệnh viện                                | 3          | 2         | 1                                      | II     |
| 22        | 948821                               | Đánh giá sử dụng thuốc  | 3          | 2         | 1                                      | II     |
| 23        | 948822                               | Phân tích chi phí y tế  | 3          | 2         | 1                                      | II     |
| 24        | 948823                               | Sai sót thuốc trong bệnh viện                                   | 3          | 2         | 1                                      | II     |
| <b>IV</b> | <b>Luận văn thạc sĩ (15 tín chỉ)</b> |   |            |           |  |        |
| 25        | 948800                               | Luận văn thạc sĩ  | 15         |           |  | III    |
| Tổng cộng |                                      |   | <b>60</b>  |           |  |        |

#### 6. Mục tiêu và chuẩn đầu ra các học phần

| Học phần              | Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra |   |
|-----------------------|--|--------------|---|
| Triết học<br>(900802) | Trang bị cho người học những kiến thức khái quát về lịch sử triết học, nội dung cơ bản của các học thuyết ảnh hưởng đến đời sống của dân tộc Việt Nam, nội dung nâng cao của Triết học Mác | CLO1         | Trình bày được: Các giai đoạn phát triển và những vấn đề triết học được quan tâm giải quyết trong từng giai đoạn phát triển của triết học; các tiền đề ra đời và nội dung cơ bản của triết học Mác – Lênin; vai trò và mối quan hệ của triết học với các khoa học; vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển của xã hội. |
|                       |  | CLO2         | Phân tích được các nội dung cơ bản của triết học Mác – Lênin; phân tích được sự tác động qua lại giữa triết học và khoa   |



| Học phần   | Mục tiêu  | Chuẩn đầu ra |  |
|--|---|--------------|--|
|  | - Lênin và các chuyên đề thuộc lĩnh vực tự nhiên.   |              | học; phân tích vai trò của khoa học đối với sự phát triển của xã hội.  |
|  |   | CLO3         | Rút ra những bài học và nguyên tắc cơ bản trong nhận thức và hành động.  |
|  |   | CLO4         | Vận dụng kiến thức triết học đã học để giải thích các hiện tượng xã hội hoặc giải quyết vấn đề đang nảy sinh tại địa phương/cơ quan, đơn vị mà học viên đang sinh sống/công tác.                   |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học trong dược xã hội học (948801) | Cung cấp cho học viên các lý thuyết, phương pháp, mô hình và kỹ thuật được áp dụng trong thiết kế nghiên cứu khoa học của Dược xã hội                   | CLO1         | Trình bày được các phương pháp tiếp cận khoa học xã hội học và chính sách dược.  |
|  |   | CLO2         | Trình bày được mô hình, phương pháp tiến hành và các chỉ số đo lường trong nghiên cứu: Lý thuyết và thực hành.   |
|  |   | CLO3         | Phân tích và đánh giá hệ thống tổng quan tài liệu.   |
|  |   | CLO4         | Mô tả được thiết kế nghiên cứu và phương pháp thu thập dữ liệu trong nghiên cứu.   |
|  |   | CLO5         | Trình bày và vận dụng một số phương pháp phân tích thống kê cơ bản.  |
|  |   | CLO6         | Phân tích dữ liệu thứ cấp: dữ liệu hành chính, thương mại và quốc gia.   |
|  |   | CLO7         | Mô tả được cách thiết kế và đánh giá nghiên cứu theo chương trình.   |
|  |   | CLO8         | Trình bày được các xu hướng nghiên cứu về xã hội học và chính sách dược phẩm trong tương lai.  |
| Công nghệ thông tin ứng dụng trong ngành dược (948802)         | Cung cấp cho học viên kiến thức về trắc nghiệm giả thuyết thống kê nâng cao và ứng dụng phần mềm chuyên dụng như Minitab để thực hiện phân tích kết quả | CLO1         | Xác định được cỡ mẫu, lấy mẫu ngẫu nhiên.<br>Xác định và giải thích được các thông số trong phân tích thống kê mô tả.  |
|  |   | CLO2         | Trình bày được giả thuyết nghiên cứu, giả thuyết thống kê. Giải thích được việc lựa chọn các phương pháp thống kê phù hợp cho từng dạng dữ liệu dược.  |
|  |   | CLO3         | Sử dụng được phần mềm Minitab 17 để thực hiện các phương pháp phân tích thống kê: so sánh giá trị trung bình, so sánh các tỷ số, phân tích phương sai một yếu tố và phân tích tương quan, hồi quy. |

| Học phần  | Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra |  |
|---|--|--------------|--|
|   |  | CLO4         | Áp dụng được các phương pháp trắc nghiệm thống kê vào tình huống cụ thể. Phân tích và giải thích được kết quả có được từ phần mềm Minitab và biện luận được kết quả. |
| Đạo đức trong hành nghề dược – dược xã hội học (948803) | Cung cấp kiến thức, kỹ năng về các nội dung quan trọng trong Dược xã hội học (DXHH) và Đạo đức hành nghề dược          | CLO1         | Mô tả tầm quan trọng và các nội dung nghiên cứu của dược xã hội học và rút ra ý nghĩa thực tiễn khi nghiên cứu dược xã hội học.                                      |
|   |  | CLO2         | Mô tả và rút ra ý nghĩa thực tiễn khi nghiên cứu tầm quan trọng của thuốc về mặt xã hội.   |
|   |  | CLO3         | Phân tích và rút ra ý nghĩa thực tiễn khi nghiên cứu các nội dung tuyên bố Alma Ata và danh mục thuốc thiết yếu (EML) và chính sách quốc gia về thuốc. (NDP)         |
|   |  | CLO4         | Xây dựng một đề cương nghiên cứu các chỉ báo sử dụng thuốc tại cơ sở y tế.   |
|   |  | CLO5         | Phân tích và rút ra ý nghĩa thực tiễn khi nghiên cứu tuyên bố thế kỷ của FIP và tìm hiểu nghiên cứu một số mô hình DS cộng đồng ở Châu Âu.                           |
|   |  | CLO6         | So sánh và rút ra được các ý nghĩa thực tiễn khi so sánh 3 bộ quy tắc đạo đức trong hành nghề dược Việt Nam, Hoa kỳ, Singapore.                                      |
|   |  | CLO7         | Phân tích và rút ra ý nghĩa thực tiễn khi tìm hiểu các quy tắc EFPIA và các quy tắc đạo đức trong công nghiệp dược.  |
|   |  | CLO8         | Phân tích và rút ra ý nghĩa thực tiễn khi nghiên cứu tìm hiểu tuyên bố Helsinki về các nguyên tắc đạo đức khi nghiên cứu y khoa trên người.                          |
| Quản lý chất lượng thuốc (948804)                       | Cung cấp cho học viên có kiến thức nâng cao về Chất lượng thuốc theo quan điểm GMP về chất lượng của thuốc generic, về | CLO1         | Phân tích chất lượng thuốc theo quan điểm GMP và trong thương mại và rút ra được ý nghĩa thực tế của vấn đề này.   |
|   |  | CLO2         | Phân tích và mô tả các bước để sản xuất thuốc generic tương đương trị liệu với biệt dược gốc và rút ra được ý nghĩa thực tế của vấn đề này.                          |



| Học phần               | Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra |  |
|------------------------|--|--------------|--|
|                        | quản lý rủi ro về chất lượng những hướng dẫn và thực hành được áp dụng gần đây trong công nghiệp dược, về hệ thống chất lượng (PQS) theo ICH Q10, về xem xét chất lượng định kỳ và về quản lý sai lệch, về CAPA. | CLO3         | Mô tả những hướng dẫn và thực hành được áp dụng gần đây trong công nghiệp dược.  |
|                        |  | CLO4         | Áp dụng quy trình quản lý rủi ro về chất lượng vào thực tiễn của đơn vị.   |
|                        |  | CLO5         | Mô tả đặc điểm, các nội dung của mô hình PQS ICH Q10 trong nhà máy.  |
|                        |  | CLO6         | Soạn thảo được một SOP về xem xét chất lượng định kỳ và phân tích khuynh hướng; SOP về quản lý sai lệch; SOP về CAPA, SOP về quản lý thay đổi.     |
| Sinh dược học (948805) | Cung cấp kiến thức cơ bản trong lĩnh vực bảo chế sản xuất thuốc và sử dụng thuốc nhằm làm tăng sinh khả dụng của dạng thuốc hoặc hệ thống mang thuốc trong bào chế và tăng hiệu quả trong sử dụng thuốc          | CLO1         | Trình bày được các khái niệm sinh dược học, sinh khả dụng, các khái niệm tương đương.  |
|                        |  | CLO2         | Nêu được ý nghĩa của việc xác định sinh khả dụng và tương đương sinh học, ứng dụng trong đánh giá chất lượng và cấp phép lưu hành thuốc.           |
|                        |  | CLO3         | Mô tả được các phương pháp xác định sinh khả dụng, tương đương sinh học, ưu nhược điểm và cơ sở lựa chọn phương pháp.                              |
|                        |  | CLO4         | Trình bày được nguyên tắc và nội dung cụ thể đề cương đánh giá tương đương độ hòa tan <i>in vitro</i> của 2 thuốc.                                 |
|                        |  | CLO5         | Xây dựng được đề cương đánh giá tương đương độ hòa tan <i>in vitro</i> của 2 thuốc nhóm hòa tan nhanh và nhóm phóng thích kéo dài.                 |
|                        |  | CLO6         | Trình bày được nguyên tắc thiết kế và nội dung đề cương đánh giá sinh khả dụng/tương đương sinh học <i>in vivo</i> của thuốc hoặc so sánh 2 thuốc. |
|                        |  | CLO7         | Xây dựng được đề cương nghiên cứu xác định tương đương sinh học <i>in vivo</i> của 2 thuốc theo phương pháp dược động học.                         |



| Học phần                               | Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra |  |
|--|--|--------------|--|
|  |  | CLO8         | Phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố lý, hóa, cơ học đến sinh khả dụng của thuốc.   |
|  |  | CLO9         | Phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố sinh lý, môi trường sinh học đến sinh khả dụng của thuốc uống.                                       |
|  |  | CLO10        | Mô tả được đặc điểm sinh dược học của các dạng thuốc uống.   |
|  |  | CLO11        | Mô tả được đặc điểm sinh dược học của các dạng thuốc dùng trên da.   |
|  |  | CLO12        | Mô tả được đặc điểm sinh dược học của các dạng thuốc tiêm.   |
|  |  | CLO13        | Trình bày được đặc điểm sinh dược học của các dạng thuốc đặt trực tràng và các dạng khác.  |
| Pháp chế<br>thuốc nâng<br>cao (948807) | Cung cấp cho Học viên những kiến thức cơ bản về Luật dược, các văn bản dưới Luật để quản lý hoạt động của ngành dược trên các lĩnh vực hoạt động, vận dụng kiến thức vào xử lý các tình huống có thể xảy ra trong quá trình vận dụng lý thuyết vào thực tế. Học viên có khả năng so sánh Luật của nước ta với một số nước trong khu vực và trên thế giới nhằm nâng cao năng lực của bản thân trong | CLO1         | Trình bày được các quy định của Luật dược 105/2026, Luật dược 44/2024, Nghị định 163/2025 và thông tư 31/2025 trong lĩnh vực hành nghề dược. |
|  |  | CLO2         | Phân tích được các quyền, trách nhiệm của người hành nghề và các loại hình kinh doanh dược.  |
|  |  | CLO3         | Trình bày những quy định trong việc quản lý các thuốc kiểm soát đặc biệt và thuốc hạn chế bán lẻ.  |
|  |  | CLO4         | Thực hiện được kỹ năng xử lý các tình huống trong việc đăng ký kinh doanh các thuốc thuộc nhóm kiểm soát đặc biệt tại các cơ sở bán lẻ.      |
|  |  | CLO5         | Trình bày các quy định trong việc quản lý nhãn thuốc, thực phẩm chức năng lưu hành trên thị trường.  |
|  |  | CLO6         | Thực hiện kỹ năng đánh giá nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc và thực hiện quy định về nhãn thuốc tại các cơ sở bán lẻ.                  |

| Học phần                                   | Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra |  |
|--|--|--------------|--|
|  | quá trình hội nhập của đất nước  | CLO7         | Trình bày các quy định trong việc quản lý các thuốc kê đơn, không kê đơn, thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu lần thứ VII.      |
|  |  | CLO8         | Phân loại được các thuốc kê đơn và không kê đơn, danh mục thuốc được bán tại quầy thuốc và tủ thuốc trạm y tế.                   |
|  |  | CLO9         | Trình bày những quy định nhằm đảm bảo chất lượng thuốc hóa dược, dược liệu.  |
|  |  | CLO10        | So sánh luật dược Việt Nam với luật dược của một số nước trên thế giới (Thái Lan, Đức, Mỹ), tập trung vào lĩnh vực bán lẻ thuốc. |
| Thông tin thuốc và cảnh giác dược (948813) | Cung cấp cho học viên những kiến thức về tầm quan trọng của thông tin thuốc, vai trò của người dược sĩ trong công tác thông tin thuốc; quy trình thông tin thuốc; cách tra cứu, phân tích, tổng hợp, lưu trữ dữ liệu và phân hồi thông tin thuốc; về cảnh giác dược. Ngoài ra học viên còn được hướng dẫn các kỹ năng về tìm kiếm tài liệu hệ thống, về đánh giá | CLO1         | Phân tích được tầm quan trọng của thông tin thuốc và vai trò của người dược sĩ trong công tác thông tin thuốc.                   |
|  |  | CLO2         | Mô tả được các bước để thiết lập một quy trình thông tin thuốc.  |
|  |  | CLO3         | Áp dụng được cách tra cứu dữ liệu, phân tích tổng hợp, lưu trữ dữ liệu và phân hồi thông tin thuốc.                              |
|  |  | CLO4         | Trả lời được các câu hỏi thông tin thuốc theo phương pháp có tính hệ thống.  |
|  |  | CLO5         | Nêu được tầm quan trọng của cảnh giác dược và các phản ứng có hại của thuốc thường gặp của thuốc.                                |

| Học phần   | Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra |   |
|--|--|--------------|---|
|  | tài liệu, về báo cáo thông tin thuốc và viết báo cáo ADR.  | CLO6         | Mô tả được các bước để viết một báo cáo ADR.  |
| Kinh tế y tế và kinh tế được chuyên ngành (948808) | Cung cấp cho học viên có thể hiểu và giải thích các nguyên tắc cơ bản trong kinh tế được cũng như các ứng dụng phân tích chi phí và phân tích kinh tế liên quan đến được và thực hành y tế công cộng và lựa chọn được. | CLO1         | Trình bày được tầm quan trọng của các phân tích kinh tế được; chi phí và kết quả liên quan đến các sản phẩm được và dịch vụ y tế.   |
|  |  | CLO2         | Trình bày được cách đo lường và ước tính chi phí, gánh nặng kinh tế bệnh tật.   |
|  |  | CLO3         | Trình bày được các lý thuyết và sự khác biệt giữa phân tích chi phí - lợi ích (CBA), phân tích hiệu quả chi phí - hiệu quả (CEA), phân tích chi phí tối thiểu hóa (CMA) và phân tích chi phí thỏa dụng (CUA). |
|  |  | CLO4         | Trình bày được cách đo lường và ước tính chỉ số chất lượng cuộc sống.   |
|  |  | CLO5         | Mô tả được mô hình cây quyết định và mô hình Markov trong kinh tế được.   |
|  |  | CLO6         | Vận dụng được mô hình cây quyết định và mô hình Markov trong phân tích các bệnh mạn tính và nhiễm trùng.  |
|  |  | CLO7         | Mô tả được các phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu hồi cứu trong nghiên cứu; các vấn đề kinh tế được hiện tại, đánh giá chất lượng các nghiên cứu kinh tế được và vận dụng trong thực tiễn.             |
| Quản trị kinh doanh được (948816)                  | Cung cấp những kiến thức tổng quan và những tình huống thực tiễn về kinh doanh được và quản trị kinh doanh được.   | CLO1         | Phân tích, tính toán và lựa chọn các nội dung quản trị kinh doanh được.   |
|  |  | CLO2         | Phân tích được sự ảnh hưởng môi trường kinh doanh đến quản trị kinh doanh được.   |
|  |  | CLO3         | Đánh giá được môi trường kinh doanh của doanh nghiệp được.  |



| Học phần                    | Mục tiêu  | Chuẩn đầu ra |   |
|-----------------------------|---|--------------|---|
|                             | Trên cơ sở này sinh viên có cái nhìn tổng quát về hoạt động doanh nghiệp và có phương pháp luận tốt để tiếp nhận và quản trị doanh nghiệp | CLO4         | Truyền đạt ý tưởng về quản trị kinh doanh được hiệu quả bằng văn bản, hình ảnh và lời nói.  |
|                             |   | CLO5         | Đi học đúng giờ, tuân thủ nội quy nhà trường, làm bài tập về nhà đầy đủ.  |
|                             |   | CLO6         | Làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh được.  |
| Quản trị nghiệp vụ (948811) | Giúp học viên có những kiến thức chuyên sâu về hệ thống tổ chức ngành y tế, hệ thống tổ chức dược và công tác quản lý nhà nước về dược.   | CLO1         | Trình bày và phân tích được hệ thống tổ chức ngành y tế, hệ thống tổ chức dược. Phân tích chức năng của Sở y tế trong công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành dược tại địa phương. Đánh giá tác động của các luật, quy định mới đến hoạt động kinh doanh dược và công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn. |
|                             |   | CLO2         | Trình bày và phân tích mối quan hệ chỉ đạo, quản lý và kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn giữa Sở y tế và Phòng Văn hóa - Xã hội cấp xã trong việc thực thi các nhiệm vụ, chức năng được giao. Nêu những thách thức trong việc đảm bảo sự đồng bộ và hiệu quả của các quy định chuyên môn từ cấp tỉnh đến cấp xã-phường.                  |
|                             |   | CLO3         | Trình bày và phân tích quá trình thực hiện công tác nghiệp vụ dược trong hoạt động cấp CCHND, Giấy CNĐĐKKDD, thẩm định tiêu chuẩn GDP, GPP trong hoạt động phân phối thuốc, bán lẻ thuốc và chuỗi nhà thuốc.  |
|                             |   | CLO4         | Trình bày và phân tích quá trình thực hiện công tác nghiệp vụ dược trong hoạt động kinh doanh mỹ phẩm, hoạt động thông tin, quảng cáo thuốc và giá thuốc.   |

| Học phần                                  | Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra |  |
|---|--|--------------|--|
|   |  | CLO5         | Trình bày và phân tích quá trình thực hiện công tác nghiệp vụ dược trong hoạt động mua sắm tập trung thuốc.                          |
|   |  | CLO6         | Trình bày và phân tích quá trình thực hiện công tác nghiệp vụ dược trong hoạt động báo cáo và chuyển đổi số của ngành dược.          |
| Quản trị công tác dược bệnh viện (948820) | Cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản lý dược tại bệnh viện, nhằm đảm bảo cung ứng, bảo quản và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả; tuân thủ các quy định pháp luật và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của cộng đồng. | CLO1         | Trình bày được quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện.  |
|   |  | CLO2         | Tính toán được nhân sự bệnh viện và triển khai hoạt động thông tin thuốc của khoa dược cho các bác sĩ và điều dưỡng trong bệnh viện. |
|   |  | CLO3         | Trình bày những quy định về hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị.  |
|   |  | CLO4         | Phân tích nhiệm vụ của khoa dược trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng thuốc và điều trị.                                   |
|   |  | CLO5         | Trình bày các quy định về hoạt động theo dõi phản ứng có hại của thuốc tại các cơ sở điều trị.                                       |
|   |  | CLO6         | Kiểm tra đánh giá một quy trình báo cáo phản ứng có hại của thuốc xảy ra tại bệnh viện.  |
|   |  | CLO7         | Trình bày các quy định về hoạt động dược lâm sàng tại cơ sở điều trị.  |
|   |  | CLO8         | Kiểm tra đánh giá một mẫu báo cáo trên một tình huống can thiệp trên người bệnh (mẫu 2B lưu tại khoa dược).                          |
|   |  | CLO9         | Trình bày những quy định về hoạt động đấu thầu thuốc tại các cơ sở điều trị công lập.  |

| Học phần  | Mục tiêu  | Chuẩn đầu ra |   |
|---|---|--------------|---|
|   |   | CLO10        | Đánh giá một bản kế hoạch chuẩn bị cho công tác đấu thầu thuốc cho bệnh viện cho năm sau.   |
|   |   | CLO11        | Trình bày những quy định về hoạt động của cơ sở bán lẻ thuốc trong bệnh viện.   |
|   |   | CLO12        | Phân tích mối quan hệ giữa khoa dược và các khoa khác trong việc hoàn thành nhiệm vụ của khoa dược để thực hiện 83 tiêu chí chất lượng bệnh viện VN.  |
| Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong ngành dược (948809) | Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về logistics và chuỗi cung ứng để hiểu được những hoạt động hậu cần bên trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần cũng hướng dẫn cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường Dược. | CLO1         | - Xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát các hoạt động logistics một cách hệ thống nhằm đạt hiệu quả cao nhất tại các doanh nghiệp.                                     |
|   |   | CLO2         | - Giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động logistics trong sự liên kết với các chức năng quan trọng của doanh nghiệp như marketing, sản xuất và tài chính.                               |
|   |   | CLO3         | - Vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng và triển khai kế hoạch Logistics, GSP, GDP cho doanh nghiệp Dược.   |
| Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo (948815)                        | Giúp học viên có kiến thức về tâm lý cá nhân và tâm lý tổ chức; kiến thức về lãnh đạo   | CLO1         | Trình bày và giải thích được các khái niệm chung về tâm lý học quản lý, tâm lý của cá nhân. So sánh và phân tích đối tượng quản lý của người quản lý ở các lĩnh vực hoạt động của ngành dược. |



| Học phần | Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra         |  |
|----------|--|----------------------|--|
|          | nhóm và lãnh đạo trong tổ chức. Xác định bản chất và các vai trò khác nhau của nhà lãnh đạo trong tổ chức. Phân tích các dạng phong cách lãnh đạo khác nhau và các phương pháp nghiên cứu về lãnh đạo thể nào để thành công, vai trò của nhà lãnh đạo trong khi thực hiện quá trình ra quyết định. | CLO2                 | Trình bày và giải thích được các khái niệm chung về tâm lý tập thể. Xây dựng được một bản kế hoạch quản lý tập thể mới khi thay đổi vị trí quản lý.  |
|          |  | CLO3                 | Trình bày và giải thích được bản chất của sự lãnh đạo và người lãnh đạo. Phân tích và cho ví dụ về các vai trò quyết định của người lãnh đạo là: Khởi xướng, trật tự, phân bổ nguồn lực và thương thuyết tại các vị trí trưởng, phó phòng hoặc trưởng, phó khoa trong các lĩnh vực hoạt động của ngành dược. |
|          |  | CLO4                 | Trình bày và giải thích được khái niệm về quyền lực và sự ảnh hưởng của quyền lực. Xây dựng các phương án áp dụng quyền lực vào quản lý, đánh giá hiệu quả của các phương án đó.   |
|          |  | CLO5                 | Trình bày và giải thích được khái niệm về phong cách lãnh đạo và các phương pháp lựa chọn phong cách lãnh đạo. Lựa chọn phong cách lãnh đạo phù hợp với các tập thể có những đặc điểm khác nhau.   |
|          |  | CLO6                 | Trình bày và giải thích được khái niệm về quyết định quản lý và việc triển khai quyết định quản lý. Xác định các căn cứ để ra quyết định trong những tình huống công việc khác nhau trong lĩnh vực hoạt động của ngành dược.   |
|          |  | CLO7                 | Xây dựng một quy trình ra quyết định một vấn đề thuộc lĩnh vực làm việc của bản thân (kinh doanh, nhân sự, sắp xếp bộ máy...)  |
|          |  | Mỹ phẩm và thực phẩm | Học phần cung cấp kiến thức về các quy định chất   |

| Học phần  | Mục tiêu  | Chuẩn đầu ra |   |
|---|---|--------------|---|
| chức năng<br>(948812)                               | lượng và đăng ký lưu hành mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe tại Việt Nam   | CLO2         | Áp dụng các quy định hiện hành trong quản lý chất lượng mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe.                   |
|   |   | CLO3         | Phân biệt các kỹ thuật bảo chế mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo các tiêu chuẩn GMP hiện hành.          |
|   |   | CLO4         | Áp dụng các quy định hiện hành trong quản lý kinh doanh mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe.                   |
| Nghiên cứu các sản phẩm thuốc từ dược liệu (948806) | Cung cấp cho các học viên các kiến thức về tiêu chuẩn Thực hành tốt trong trồng trọt và thu hái dược liệu, các yêu cầu và nội dung khi xây dựng hồ sơ GACP cho cơ sở; về các phương pháp sản xuất thuốc từ dược liệu; phân biệt thuốc từ dược liệu và thực phẩm chức năng chứa dược liệu; về các quy định về kiểm nghiệm, bảo quản, sản xuất, thuốc từ dược liệu; về đăng ký kinh doanh, phân phối dược liệu và thuốc từ dược liệu, thuốc đông y. | CLO1         | Mô tả được các tiêu chuẩn trong thực hành tốt trồng trọt và thu hái, vận dụng để xây dựng hồ sơ GACP cho cơ sở. |
|   |   | CLO2         | Mô tả được các phương pháp sản xuất thuốc từ dược liệu theo dược học cổ truyền và dược học hiện đại.            |
|   |   | CLO3         | Phân biệt được thuốc từ dược liệu và thực phẩm chức năng chứa dược liệu.  |
|   |   | CLO4         | Diễn giải được các quy định về kiểm nghiệm, bảo quản, sản xuất thuốc từ dược liệu.                              |
|   |   | CLO5         | Diễn giải được các quy định về đăng ký kinh doanh, phân phối dược liệu và thuốc từ dược liệu, thuốc đông y.     |
|   |   | CLO6         | Diễn giải được các quy định về xuất nhập khẩu dược liệu và thuốc từ dược liệu.                                  |
|   |   | CLO7         | Nêu được vai trò và cách thức tiêu chuẩn hóa dược liệu.   |



| Học phần  | Mục tiêu  | Chuẩn đầu ra |  |
|---|---|--------------|--|
| Sở hữu trí tuệ trong ngành dược (948814)                | Học phần khái quát lại kiến thức chung và cơ bản nhất về quy định pháp luật về Sở hữu trí tuệ, đặc biệt về các đối tượng sở hữu trí tuệ được bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam và trên thế giới                         | CLO1         | Nhận diện được các loại tài sản trí tuệ hình thành trong hoạt động học tập và nghiên cứu   |
|   |   | CLO2         | Xác định được các quy trình thủ tục bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ phù hợp đối với các tài sản trí tuệ tương ứng trong ngành Dược.  |
|   |   | CLO3         | Phân tích được các rủi ro pháp lý trong việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của các cá nhân và tổ chức khác khi triển khai các nghiên cứu và sáng tạo trong ngành Dược. |
|   |   | CLO4         | Đề xuất được giải pháp để xác lập bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ của bản thân và tổ chức.  |
|   |   | CLO5         | Nâng cao nhận thức về vai trò của các tài sản trí tuệ trong các chuỗi giá trị kinh doanh và R&D của ngành Dược toàn cầu.   |
|   |   | CLO6         | Xây dựng ý thức hành xử chuyên nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu và làm việc.  |
| Kỹ năng giao tiếp và giáo dục hành vi sức khỏe (948810) | Giúp học viên có những kiến thức chuyên sâu về giáo dục sức khỏe và giao tiếp trong hoạt động của ngành dược. Học viên nắm vững những kiến thức về giao tiếp trong lĩnh vực đặc thù của ngành dược, vận dụng được kiến thức trong | CLO1         | Trình bày và giải thích sự khác biệt giữa hoạt động giao tiếp chung và hoạt động giao tiếp của ngành dược.   |
|   |   | CLO2         | Thực hiện kỹ năng vận dụng hai nguyên tắc giao tiếp trong các lĩnh vực hoạt động của ngành dược, phân tích những điểm thuận lợi và khó khăn trong quá trình vận dụng.  |
|   |   | CLO3         | Trình bày và phân tích sự tác động của các yếu tố tâm lý- xã hội tác động tới quá trình giao tiếp.   |
|   |   | CLO4         | Phân tích sự tác động của các yếu tố xã hội đến việc thực hiện các quy chế chuyên  |



| Học phần                                   | Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra |  |
|--|--|--------------|--|
|  | việc xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình giáo dục sức khỏe và giao tiếp trong các lĩnh vực hoạt động của bản thân. |              | môn trong hoạt động bán lẻ thuốc ở nước ta.  |
|  |  | CLO5         | Trình bày và phân tích mối quan hệ giữa các nhóm kỹ năng giao tiếp: Ngôn ngữ; phi ngôn ngữ và liên nhân cách.  |
|  |  | CLO6         | Xây dựng một chương trình huấn luyện cho DS để thực hiện kỹ năng giao tiếp trong hoạt động giới thiệu thuốc bao gồm các kỹ năng: Ngôn ngữ; phi ngôn ngữ và liên nhân cách. |
|  |  | CLO7         | Trình bày và giải thích sự khác biệt trong giao tiếp của người DS tại các vị trí làm việc trong ngành dược.  |
|  |  | CLO8         | Phân tích và đánh giá kết quả các tình huống hoạt động giao tiếp của người DS trong các lĩnh vực của ngành dược.   |
|  |  | CLO9         | Trình bày và phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới sức khỏe và quá trình giáo dục người dân bảo vệ sức khỏe cho người dân của DS tại nhà thuốc tư nhân.                       |
|  |  | CLO10        | Thực hiện một quy trình tư vấn cho người dân để từ bỏ một thói quen không tốt cho sức khỏe của họ.   |
|  |  | CLO11        | Đánh giá tình hình thực hiện việc giảm chất thải nhựa tại một số cơ sở bán lẻ thuốc tư nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đánh giá thuận lợi và khó khăn khi thực hiện.      |
| Marketing và thị trường dược phẩm (948817) | Giúp học viên có những kiến thức chuyên sâu về hoạt động marketing nói chung và  | CLO1         | Trình bày lý thuyết về quản trị marketing chung và quản trị marketing đặc thù của ngành dược.  |
|  |  | CLO2         | Phân tích những điểm mạnh và yếu của các quan điểm quản trị marketing khi vận dụng vào lĩnh vực dược phẩm.   |

| Học phần | Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra |  |
|----------|--|--------------|--|
|          | marketing trong lĩnh vực của ngành dược nói riêng. | CLO3         | Trình bày và giải thích sự tác động của môi trường đến hoạt động marketing.  |
|          |  | CLO4         | Phân tích sự tác động của môi trường vĩ mô tới hoạt động marketing trong một DN kinh doanh dược (DN vừa sản xuất và bán trực tiếp hàng do DN sản xuất ra). |
|          |  | CLO5         | Trình bày và giải thích hành vi khách hàng đối với hàng hóa chung và đối với mặt hàng dược phẩm.   |
|          |  | CLO6         | Phân tích thị trường của ngành dược, những điểm giống và khác nhau giữa thị trường của các sản phẩm tiêu dùng và sản phẩm của ngành dược.                  |
|          |  | CLO7         | Trình bày và giải thích các phương pháp lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường.  |
|          |  | CLO8         | Phân tích cách thức lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường của một DN kinh doanh dược phẩm.  |
|          |  | CLO9         | Trình bày và giải thích các quyết định về sản phẩm.  |
|          |  | CLO10        | Phân tích điểm giống và khác nhau trong việc xây dựng nhãn hiệu của một mặt hàng dược phẩm và một mặt hàng tiêu dùng thông thường.                         |
|          |  | CLO11        | Trình bày và giải thích các quyết định về giá.   |
|          |  | CLO12        | Phân tích các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định về giá của sản phẩm trong ngành dược.   |
|          |  | CLO13        | Trình bày và giải thích các quyết định về phân phối.   |

| Học phần                        | Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra |   |
|---------------------------------|--|--------------|---|
|                                 |  | CLO14        | Phân tích kênh phân phối của thị trường dược phẩm, so với các sản phẩm hàng hóa thông thường có điểm gì khác biệt.  |
|                                 |  | CLO15        | Xây dựng một chiến lược xúc tiến hỗn hợp cho một sản phẩm thuộc ngành dược (có thể chọn sản phẩm thuộc 03 nhóm: thực phẩm chức năng, thuốc không kê đơn và thuốc kê đơn). |
| Đánh giá sử dụng thuốc (948821) | Cung cấp kiến thức chuyên sâu về tổng hợp thông tin về sử dụng thuốc, cũng như nhận biết, đánh giá, đề xuất cách khắc phục những vấn đề chưa hợp lý trong sử dụng thuốc; tư vấn cho nhân viên y tế/bệnh nhân để tăng cường sử dụng thuốc hợp lý. | CLO1         | Trình bày được các phương pháp đánh giá sử dụng thuốc.  |
|                                 |  | CLO2         | Áp dụng được các phương pháp thống kê và xử lý số liệu trong đánh giá sử dụng thuốc.  |
|                                 |  | CLO3         | Áp dụng được các phương pháp đánh giá sử dụng thuốc trong một bệnh/tình huống lâm sàng cụ thể.  |
|                                 |  | CLO4         | Đánh giá và đề xuất được hướng giải quyết các vấn đề chưa hợp lý trong sử dụng thuốc.   |
| Hồ sơ đăng ký thuốc (948819)    | Cung cấp kiến thức cần thiết để chuẩn bị và biên soạn đúng và đầy đủ hồ sơ đăng ký thuốc theo quy định hiện hành. Nội dung bao gồm Hồ sơ hành chính; Hồ sơ chất lượng  | CLO1         | Tuân thủ đúng, trung thực các quy định khi chuẩn Hồ sơ đăng ký thuốc.   |
|                                 |  | CLO2         | Thiết lập đúng một Hồ sơ đăng ký thuốc - Hồ sơ hành chính.  |
|                                 |  | CLO3         | Thiết lập đúng một Hồ sơ đăng ký thuốc Phần Nguyên liệu (S).  |



| Học phần                      | Mục tiêu  | Chuẩn đầu ra |   |
|-------------------------------|---|--------------|---|
|                               | gồm Phần Nguyên liệu (S); Phần sản xuất (P) P1 Mô tả thành phẩm, P2. Phát triển dược học, P3. Sản xuất và Thẩm định QTSX, Phần Tiêu chuẩn chất lượng P4. Tá dược, P5. Thành phẩm, P6. Chất chuẩn và chất đối chiếu, P7. Hệ bao bì đóng gói; P8. Thử độ ổn định, P9. Khả năng thay thế lẫn nhau của sản phẩm ; và Hồ sơ tiền lâm sàng. | CLO4         | Thiết lập đúng một Hồ sơ đăng ký thuốc Phần Sản xuất (P) P1 Mô tả thành phẩm, P2 Phát triển dược học, P3. Sản xuất và Thẩm định QTSX, Phần Tiêu chuẩn chất lượng P4. Tá dược, P5. Thành phẩm P6. Chất chuẩn và chất đối chiếu, P7. Hệ bao bì đóng gói; P8. Thử độ ổn định, P9. Khả năng thay thế lẫn nhau của sản phẩm; và Hồ sơ tiền lâm sàng. |
|                               |   | CLO5         | Thiết lập đúng một Hồ sơ đăng ký thuốc Phần Hồ sơ tiền lâm sàng.  |
| Quản trị bán hàng<br>(948818) | Cung cấp cho người học những kiến thức trong lĩnh vực tiêu thụ hàng hóa và công tác quản trị tiêu thụ hàng hóa tại các doanh nghiệp, giúp người học vận dụng các kiến thức kỹ năng của Học phần vào hoạt động quản trị bán hàng của doanh nghiệp.   | CLO1         | Vận dụng hoạt động quản trị bán hàng để giải quyết các tình huống thực tiễn trong kinh doanh.   |
|                               |   | CLO2         | Đánh giá được những ảnh hưởng của việc thay đổi, biến động trong môi trường kinh doanh.   |
|                               |   | CLO3         | Lập kế hoạch bán hàng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng.  |
|                               |   | CLO4         | Triển khai các hoạt động bán hàng đến đúng từng nhóm khách hàng để duy trì sự hợp tác của khách hàng.   |
|                               |   | CLO5         | Thực hiện quyết định để giải quyết các vấn đề bán hàng phát sinh trong thực tế.   |
|                               |   | CLO6         | Vận dụng các hoạt động quản trị bán hàng luôn tuân thủ đạo đức kinh doanh.  |

| Học phần                               | Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra |  |
|--|--|--------------|--|
| Phân tích chi phí y tế (948822)        | Cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về phân tích chi phí y tế, về các phương pháp phân tích chi phí y tế, về các chi phí cấu thành bệnh (COI), tối thiểu hóa chi phí (CUA) và chi phí - hiệu quả (CEA) trong y tế, tính không chắc chắn trong phân tích chi phí y tế và các ứng dụng chính sách trong tính toán chi phí y tế. | CLO1         | Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến phân tích chi phí y tế.  |
|  |  | CLO2         | Mô tả được các phương pháp phân tích chi phí y tế.   |
|  |  | CLO3         | Phân tích được các chi phí cấu thành bệnh (COI), tối thiểu hóa chi phí (CUA) và chi phí - hiệu quả (CEA) trong y tế.       |
|  |  | CLO4         | Giải thích được tính không chắc chắn trong phân tích chi phí y tế và các ứng dụng chính sách trong tính toán chi phí y tế. |
|  |  | CLO5         | Mô tả kỹ thuật phân tích chi phí y tế tổng thể cho bệnh án ngoại trú và cho bệnh án nội trú.                               |
| Sai sót thuốc trong bệnh viện (948823) | Sau khi hoàn thành học phần này, học viên có khả năng nhận biết và phân loại được sai sót trong sử dụng thuốc, phân tích được nguyên nhân sai sót và áp dụng được các phương pháp giảm thiểu sai sót trong thực quá trình cấp phát và sử dụng thuốc.   | CLO1         | Xác định được các sai sót trong sử dụng thuốc và phân biệt được sai sót với các biến cố bất lợi khác.                      |
|  |  | CLO2         | Xác định/phân tích được nguyên nhân sai sót.   |
|  |  | CLO3         | Xây dựng/đề xuất được các biện pháp can thiệp để phòng ngừa/giảm thiểu sai sót trong sử dụng thuốc.                        |
|  |  | CLO4         | Nhận dạng được các tình huống có nguy cơ sai sót trong từng giai đoạn của quá trình sử dụng thuốc.                         |
|  |  | CLO5         | Áp dụng được các quy trình giảm thiểu sai sót.   |

**7. Bảng tương quan chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)**

| Học phần  | PLO1                            | PLO2                                     | PLO3          | PLO4  | PLO5                   | PLO6                                     |
|---|---------------------------------|--|---------------|---|------------------------|--|
| Triết học   | CLO1                            | CLO2,<br>CLO3                            |               |   | CLO3                   |  |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Dược xã hội học |                                 |  | CLO1          |   | CLO2                   |  |
| Công nghệ thông tin ứng dụng trong ngành dược         |                                 |  |               |   |                        | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,<br>CLO4          |
| Đạo đức trong hành nghề dược – dược xã hội học        | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3          |  |               |   |                        | CLO4,<br>CLO5,<br>CLO6,<br>CLO7,<br>CLO8 |
| Quản lý chất lượng thuốc                              | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3          |  |               | CLO4,<br>CLO5   | CLO6                   |  |
| Sinh dược học   | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,<br>CLO4 |  |               | CLO8,<br>CLO9,<br>CLO10,<br>CLO11,<br>CLO12,<br>CLO13 | CLO5,<br>CLO6,<br>CLO7 |  |
| Pháp chế dược nâng cao                                |                                 |  |               | CLO1-<br>9  |                        | CLO10                                    |
| Thông tin thuốc và cảnh giác dược                     |                                 | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,<br>CLO4,<br>CLO6 | CLO5          |   |                        |  |
| Kinh tế y tế và kinh tế dược chuyên ngành             |                                 | CLO4,<br>CLO6                            | CLO1,<br>CLO5 | CLO2,<br>CLO3,<br>CLO7                                |                        |  |
| Quản trị kinh doanh dược                              |                                 |  |               | CLO1-<br>6  |                        |  |
| Quản trị nghiệp vụ dược                               |                                 |  |               | CLO1-<br>6  |                        | CLO7                                     |
| Quản trị công tác dược bệnh viện                      | CLO1,<br>CLO3,                  | CLO2,<br>CLO4,                           |               |   |                        |  |



| Học phần   | PLO1  | PLO2  | PLO3                   | PLO4                   | PLO5                   | PLO6  |
|--|---|---|------------------------|------------------------|------------------------|-------|
|  | CLO7,<br>CLO9,<br>CLO11                           | CLO5,<br>CLO6,<br>CLO7,<br>CLO8,<br>CLO10,<br>CLO12 |                        |                        |                        |       |
| Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong ngành dược |   |   | CLO1,<br>CLO3          | CLO2                   |                        |       |
| Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo                        |   |   |                        | CLO1-<br>7             |                        |       |
| Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng                       | CLO1  |   |                        | CLO2,<br>CLO4          | CLO3                   |       |
| Nghiên cứu các sản phẩm thuốc từ dược liệu           | CLO1,<br>CLO5                                     |   |                        |                        | CLO2,<br>CLO3,<br>CLO4 |       |
| Sở hữu trí tuệ trong ngành dược                      | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,<br>CLO4,<br>CLO5,<br>CLO6 |   |                        |                        |                        |       |
| Kỹ năng giao tiếp và giáo dục hành vi sức khỏe       |   |   |                        |                        | CLO1-<br>10            | CLO11 |
| Marketing và thị trường dược phẩm                    |   | CLO3,<br>CLO4                                       |                        | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO5 |                        |       |
| Đánh giá sử dụng thuốc                               |   | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,<br>CLO4                     |                        |                        |                        |       |
| Hồ sơ đăng ký thuốc                                  | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3                            |   |                        |                        | CLO4,<br>CLO5          |       |
| Quản trị bán hàng                                    |   |   | CLO2,<br>CLO3,<br>CLO6 |                        | CLO1,<br>CLO4,<br>CLO5 |       |

| Học phần                      | PLO1 | PLO2                            | PLO3 | PLO4          | PLO5 | PLO6 |
|-------------------------------|------|---------------------------------|------|---------------|------|------|
| Phân tích chi phí y tế        |      | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,<br>CLO5 |      |               |      | CLO4 |
| Sai sót thuốc trong bệnh viện |      | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3          |      | CLO4,<br>CLO5 |      |      |

## 8. Phương pháp giảng dạy

### 8.1 Danh mục các phương pháp giảng dạy

| TT | Phương pháp giảng dạy  |
|----|------------------------|
| 1  | Thuyết giảng           |
| 2  | Giải thích cụ thể      |
| 3  | Tập luyện và thực hành |
| 4  | Thảo luận              |
| 5  | Đóng vai               |

| TT | Phương pháp giảng dạy     |
|----|---------------------------|
| 6  | Bài tập (về nhà)          |
| 7  | Báo cáo seminar theo nhóm |
| 8  | Nghiên cứu tình huống     |
| 9  | Dựa trên vấn đề           |
| 10 | Tự phản chiếu             |

### 8.2 Bảng tương quan giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

| Học phần | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 |
|----------|------|------|------|------|------|------|
| PPGD 1   | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| PPGD 2   | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| PPGD 3   | X    | X    | X    |      |      | X    |
| PPGD 4   | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| PPGD 5   |      | X    | X    |      |      | X    |
| PPGD 6   | X    |      | X    | X    | X    | X    |
| PPGD 7   | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| PPGD 8   | X    | X    | X    | X    | X    | X    |

| Học phần | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 |
|----------|------|------|------|------|------|------|
| PPGD 9   | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| PPGD 10  | X    |      | X    | X    |      | X    |

8.3 Bảng tương quan giữa học phần và phương pháp giảng dạy

| Học phần  | PP GD1 | PP GD 2 | PP GD3 | PP GD4 | PP GD5 | PP GD6 | PP GD7 | PP GD8 | PP GD9 | PP GD10 |
|---|--------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|
| Triết học   | x      | x       |        | x      |        |        | x      |        |        | x       |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Dược xã hội học | x      | x       |        | x      | x      |        | x      | x      |        |         |
| Công nghệ thông tin ứng dụng trong ngành dược         | x      | x       | x      | x      |        | x      |        | x      | x      |         |
| Đạo đức trong hành nghề dược – dược xã hội học        | x      | x       |        | x      |        |        | x      | x      | x      | x       |
| Quản lý chất lượng thuốc                              | x      | x       |        | x      |        | x      | x      |        | x      |         |



| Học phần   | PP GD1 | PP GD 2 | PP GD3 | PP GD4 | PP GD5 | PP GD6 | PP GD7 | PP GD8 | PP GD9 | PP GD10 |
|--|--------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|
| Sinh được học  | x      | x       |        | x      |        | x      | x      |        | x      |         |
| Pháp chế được nâng cao                               | x      | x       | x      | x      |        | x      | x      |        | x      |         |
| Thông tin thuốc và cảnh giác được                    | x      | x       |        | x      | x      |        | x      | x      |        |         |
| Kinh tế y tế và kinh tế được chuyên ngành            | x      | x       | x      | x      |        | x      | x      | x      |        |         |
| Quản trị kinh doanh được                             | x      | x       |        | x      |        |        | x      | x      |        | x       |
| Quản trị nghiệp vụ được                              | x      | x       |        | x      |        | x      |        |        | x      | x       |
| Quản trị công tác được bệnh viện                     | x      | x       |        | x      |        | x      | x      |        | x      | x       |
| Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong ngành dược | x      | x       |        | x      |        | x      | x      |        | x      |         |

| Học phần                                       | PP GD1 | PP GD 2 | PP GD3 | PP GD4 | PP GD5 | PP GD6 | PP GD7 | PP GD8 | PP GD9 | PP GD10 |
|--|--------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|
| Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo                  | x      | x       |        | x      | x      |        |        |        | x      | x       |
| Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng                 | x      | x       |        | x      |        | x      |        |        | x      | x       |
| Nghiên cứu các sản phẩm thuốc từ dược liệu     | x      | x       |        | x      |        | x      | x      |        | x      |         |
| Sở hữu trí tuệ trong ngành dược                | x      | x       |        | x      | x      |        |        |        | x      | x       |
| Kỹ năng giao tiếp và giáo dục hành vi sức khỏe | x      | x       |        | x      | x      |        | x      | x      |        | x       |
| Marketing và thị trường dược phẩm              | x      | x       |        | x      |        |        | x      | x      |        |         |
| Đánh giá sử dụng thuốc                         | x      | x       | x      | x      |        |        | x      | x      |        |         |
| Hồ sơ đăng ký thuốc                            | x      | x       | x      | x      |        | x      | x      |        | x      |         |

| Học phần                      | PP GD1 | PP GD 2 | PP GD3 | PP GD4 | PP GD5 | PP GD6 | PP GD7 | PP GD8 | PP GD9 | PP GD10 |
|-------------------------------|--------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|
| Quản trị bán hàng             | x      | x       |        | x      |        | x      |        |        | x      | x       |
| Phân tích chi phí y tế        | x      | x       | x      | x      |        | x      | x      |        | x      | x       |
| Sai sót thuốc trong bệnh viện | x      | x       |        | x      | x      |        | x      | x      |        | x       |

## 9. Phương pháp đánh giá

### 9.1 Danh mục các phương pháp đánh giá

| TT | Phương pháp đánh giá                            | TT | Phương pháp đánh giá |
|----|---|----|----------------------|
| 1  | Trắc nghiệm nhiều phương án và/hoặc điền khuyết | 4  | Báo cáo văn bản      |
| 2  | Trả lời câu hỏi tự luận                         | 5  | Báo cáo thuyết trình |
| 3  | Thi thực hành                                   | 6  | Vấn đáp trực tiếp    |

### 9.2 Bảng tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

| PPGD   | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 |
|--------|------|------|------|------|------|------|
| PPGD 1 | X    | X    | X    | X    |      |      |
| PPGD 2 | X    |      | X    | X    | X    | X    |
| PPGD 3 |      | X    |      |      |      | X    |
| PPGD 4 | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| PPGD 5 | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| PPGD 6 |      | X    | X    |      |      | X    |



### 9.3 Bảng tương quan giữa học phần và phương pháp đánh giá

| Học phần  | PPDG1 | PPDG2 | PPDG3 | PPDG4 | PPDG5 | PPDG6 |
|---|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Triết học   |       | X     |       | X     |       |       |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Dược xã hội học |       | X     |       | X     | X     |       |
| Công nghệ thông tin ứng dụng trong ngành dược         | X     | X     | X     | X     |       |       |
| Đạo đức trong hành nghề dược – dược xã hội học        |       | X     |       |       | X     |       |
| Quản lý chất lượng thuốc                              |       | X     |       |       | X     |       |
| Sinh dược học   | X     | X     |       | X     |       |       |
| Pháp chế dược nâng cao                                | X     | X     |       |       | X     |       |
| Thông tin thuốc và cảnh giác dược                     | X     |       |       | X     | X     | X     |
| Kinh tế y tế và kinh tế dược chuyên ngành             |       |       |       | X     | X     |       |
| Quản trị kinh doanh dược                              |       |       |       | X     | X     |       |
| Quản trị nghiệp vụ dược                               | X     | X     |       |       | X     |       |
| Quản trị công tác dược bệnh viện                      | X     | X     |       |       | X     |       |
| Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong ngành dược  |       | X     |       | X     |       |       |
| Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo                         |       |       |       |       | X     | X     |
| Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng                        | X     | X     |       | X     |       |       |
| Nghiên cứu các sản phẩm thuốc từ dược liệu            | X     |       |       | X     | X     |       |

| Học phần                                       | PPĐG1 | PPĐG2 | PPĐG3 | PPĐG4 | PPĐG5 | PPĐG6 |
|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Sở hữu trí tuệ trong ngành dược                |       | x     |       | x     |       | x     |
| Kỹ năng giao tiếp và giáo dục hành vi sức khỏe |       | x     | x     |       | x     |       |
| Marketing và thị trường dược phẩm              |       | x     |       | x     | x     |       |
| Đánh giá sử dụng thuốc                         | x     |       | x     |       | x     | x     |
| Hồ sơ đăng ký thuốc                            |       | x     |       | x     |       |       |
| Quản trị bán hàng                              |       |       |       | x     | x     | x     |
| Phân tích chi phí y tế                         |       | x     | x     | x     |       |       |
| Sai sót thuốc trong bệnh viện                  |       |       | x     | x     |       | x     |

### 10. Điều kiện bảo vệ luận văn

Đề cương luận văn phải được báo cáo trước hội đồng bảo vệ đề cương để được góp ý chỉnh sửa và thông qua theo quy định. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tên đề tài luận văn thạc sĩ và người hướng dẫn.

Nội dung luận văn phải:

- Thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, về phương pháp giải quyết vấn đề đã được đặt ra.

- Kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức tiếp thu được trong quá trình học tập để thực hiện đề tài.

Học viên được bảo vệ luận văn thạc sĩ khi có đủ điều kiện sau:

- Học xong và đạt yêu cầu các môn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Đạt yêu cầu về trình độ tiếng Anh: TOEFL ITP 500, TOEFL iBT 50, IETLS 5.0 trở lên trong thời hạn 2 năm hoặc các chứng chỉ tiếng Anh tương đương khác theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo hoặc tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh hoặc tốt nghiệp đại học nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng là tiếng Anh hoặc tốt nghiệp đại học trong nước mà ngôn ngữ sử dụng là tiếng Anh không qua phiên dịch.
- Hoàn thành luận văn và được người hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ.
- Không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong thời gian học tập.

- Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn.

Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập theo quy định của nhà trường.

Không được tiến hành bảo vệ luận văn nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Vắng mặt chủ tịch Hội đồng.
- Vắng mặt thư ký Hội đồng.
- Vắng mặt phản biện có ý kiến không tán thành luận văn.
- Vắng mặt  $\geq 2$  thành viên Hội đồng
- Học viên không đủ sức khỏe khi bảo vệ (cần có minh chứng).

Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Các mức đánh giá theo thang điểm của luận văn như sau:

| Điểm           | Mức đánh giá |
|----------------|--------------|
| Dưới 5,5       | Không đạt    |
| Từ 5,5 đến 6,9 | Đạt          |
| Từ 7 đến 7,9   | Khá          |
| Từ 8 đến 9     | Giỏi         |
| Từ 9 đến 10    | Xuất sắc     |

**Trường hợp luận văn không đạt yêu cầu**, học viên được sửa chữa luận văn và bảo vệ luận văn sau 4 đến 6 tháng hoặc bảo vệ luận văn cùng khóa sau. Không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba.

### 11. Điều kiện tốt nghiệp

- Không bị kỷ luật trong thời gian học tập.
- Đạt đủ điểm các môn học theo chương trình quy định.
- Đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo quy định đối với hệ thạc sĩ.
- Hoàn thành luận văn Thạc sĩ Tổ chức quản lý dược và bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ Tổ chức quản lý dược.
- Điểm trung bình tất cả các tín chỉ đạt  $\geq 5,5$ .

### 12. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ



Hiện tại, Khoa Dược có 84 cán bộ giảng viên cơ hữu gồm: 4 Phó Giáo sư-Tiến sĩ, 18 Tiến sĩ, 2 Dược sĩ chuyên khoa cấp II, 51 Thạc sĩ, 4 Dược sĩ và 6 kỹ sư, cao đẳng, trung cấp; 8 cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo: 6 thạc sỹ, 1 kỹ sư, 1 dược sĩ; 12 Kỹ thuật viên, nhân viên cơ hữu hướng dẫn thí nghiệm, thực hành.

Ngoài ra, Khoa còn được sự hỗ trợ giảng dạy của tập thể các cán bộ mời giảng là các Phó Giáo sư, các Tiến sĩ từ Khoa Dược và Khoa Y Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, các cán bộ của Sở Y tế, các công ty dược, các bệnh viện thuộc tỉnh Đồng Nai và các tỉnh thành lân cận như Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo Dược sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành Dược lý - Dược lâm sàng gồm có 7 giảng viên: 03 Phó giáo sư, 2 Tiến sĩ và 2 Dược sĩ Chuyên khoa cấp 2. Trong đó có 2 Dược sĩ Chuyên khoa cấp II là giảng viên cơ hữu đúng ngành đăng ký đào tạo và 54 giảng viên là ngành gần với ngành đăng ký đào tạo có.

Ngoài ra, còn có đội ngũ nhân lực hỗ trợ thuộc Khoa Sau đại học tham gia hỗ trợ học viên trong quá trình đào tạo.

### 13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

Trường Đại học Lạc Hồng gồm có 8 cơ sở kang trang, hiện đại trong đó 7 cơ sở đều tọa lạc tại phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa và 1 cơ sở thuộc TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Trong đó, cơ sở 1, cơ sở 5 và cơ sở Dược được sử dụng để phục vụ giảng dạy thạc sĩ chuyên ngành Tổ chức – quản lý dược. Cơ sở 1 bao gồm 3 tòa nhà chính A, B và C với diện tích 9.536 m<sup>2</sup> gồm văn phòng làm việc, hội trường, phòng máy, phòng học... trong đó có 1.000 m<sup>2</sup> thư viện với hơn 9.600 tựa sách in tương đương hơn 20.700 cuốn. Cơ sở 5 tọa lạc tại KP 4, phường Bửu Long, có tổng diện tích đất 2 ha, trong đó có 1 dãy phòng học rộng rãi, thoáng mát, hiện đại 1.000 m<sup>2</sup>. Cơ sở 5 gồm 30 phòng học, 4 giảng đường lớn với tổng sức chứa là 4300 sinh viên. Cơ sở Dược là tòa nhà 4 tầng, với 06 giảng đường lý thuyết với sức chứa 200 học viên và 10 phòng thực hành được trang bị tương đối hoàn chỉnh đủ đáp ứng quy mô đào tạo hàng năm.

Hệ thống giảng đường, phòng thực hành đều có các trang thiết bị giảng dạy tích cực như projector, âm ly, máy lạnh, các phòng thí nghiệm liên hoàn và đồng bộ, tạo điều kiện tốt cho học viên học tập và nghiên cứu.

\* Khoa Dược có hơn 20 Phòng thực hành, mỗi phòng diện tích 80 m<sup>2</sup>, đảm bảo cho 25-50 học viên thực tập/ phòng:

- Phòng Thực hành Hóa đại cương vô cơ
- Phòng Thực hành Hóa hữu cơ dược
- Phòng Thực hành Vật lý
- Phòng Thực hành Hóa lý
- Phòng Thực hành Thực vật dược
- Phòng Thực hành Dược liệu
- Phòng Thực hành Dược học cổ truyền
- Phòng Thực hành Vi sinh
- Phòng Thực hành Ký sinh trùng
- Phòng Thực hành Sinh lý – Giải phẫu

- Phòng Thực hành Hóa sinh
- Phòng Thực hành Dược lý
- Phòng Thực hành Dược lâm sàng
- Phòng Thực hành Hóa phân tích
- Phòng Thực hành Kiểm nghiệm
- Phòng Thực hành Hóa dược
- Phòng Thực hành Bào chế
- Phòng Thực hành Công nghiệp dược
- Phòng Thực hành Quản lý dược

\* Vườn cây thuốc 500 m<sup>2</sup>, bao gồm các loại thực vật theo quy định của Bộ Y tế tại Quyết định số 5486/QĐ-BYT ngày 27/12/2006.

\* Thư viện số: là trang liên kết với trang tailieu.vn, hiện tại kho Thư viện số của trường đã có hơn 14.000 tài liệu điện tử. *Link truy cập: <http://thuvienso.lhu.edu.vn>.*

\* Tra cứu tài liệu: Trang tài nguyên học tập cho chúng ta tìm kiếm; download; đăng ký mượn; gia hạn thời gian mượn tài liệu từ các nguồn tài nguyên như: Sách; Giáo trình; Tài liệu điện tử và Báo cáo NCKH (nghiên cứu khoa học) trong toàn hệ thống hoặc theo bộ sưu tập. *Link truy cập: <https://lib.lhu.edu.vn/>*

\* Cơ sở đào tạo thực hành: Khoa Dược Đại học Lạc Hồng đã ký hợp đồng với các đơn vị y tế như Bệnh viện nhân dân Gia Định, Bệnh viện đa khoa TP. Thủ Đức, Bệnh viện Quân dân Y 7B cùng một số bệnh viện và cơ sở kinh doanh dược khác nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo thực hành.

#### 14. Vị trí của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình cao học Tổ chức quản lý dược, người học có thể tự tin tham gia công tác tại các vị trí công việc sau:

- Phụ trách chuyên môn tại các cơ sở kinh doanh dược (cơ sở xuất nhập khẩu, cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản, cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc...).
- Nhân sự quản lý tại các cơ sở kinh doanh dược, khoa dược tại các cơ sở khám chữa bệnh có triển khai sử dụng thuốc.
- Nhân sự trong bộ phận đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
- Nghiên cứu thị trường dược phẩm hoặc các nghiên cứu về dược xã hội học tại các trường, viện đào tạo về dược hoặc cơ quan quản lý nhà nước về dược.

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Lâm Thành Hiến**